TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 1388/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 08/10/2018
V/v tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Trần Thị Nhung**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Hồ Thị Quyên**

2. Bà **Huỳnh Thị Ngọc Liên**

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà **Tăng Thị Hồng Thanh** – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 08 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 344/2018/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 7 năm 2018 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 4211/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 9 năm 2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Bà **Trần Thị Thanh T**, sinh năm 1976

Địa chỉ: 12/4 đường A, khu phố B, phường C, quận D, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. *Bị đơn*: Ông **Hoang Q**, sinh năm 1964

Địa chỉ: Noble Park Victoria 3174, Australia.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện ngày 20/6/2018 và bản tự khai ngày 26/7/2018, nguyên đơn bà Trần Thị Thanh T trình bày:

Bà và ông Hoang Q kết hôn với nhau vào năm 2017, có làm thủ tục đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 14 ngày 07/02/2017 của Ủy ban nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc bình thường. Đến tháng 6/2017 giữa hai bên bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do tính cách không hợp, khác biệt về văn hóa, lối sống. Dù đã cố gắng để hòa giải nhưng không thể giải quyết và hàn gắn. Sau đó ông Q quay trở về Úc. Bà xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục duy trì hôn nhân nên yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông Hoang Q.

Về con chung: không có

Về tài sản chung và nợ chung: không có.

Tại Bản tự khai ngày 22/8/2018, bị đơn ông Hoang Q trình bày:

Ông và bà Trần Thị Thanh T quen biết nhau vào đầu năm 2016, đến tháng 8/2016 ông về Việt Nam và hai bên kết hôn với nhau vào năm 2017 theo Giấy chứng nhận kết hôn số 14 ngày 07/02/2017 của Ủy ban nhân dân quận D, Thành phố Hồ Chí Minh. Sau khi kết hôn được 3 tháng giữa vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, cãi vã do hai bên không tin tưởng nhau về tình cảm. Mặc dù đã nhiều lần giải thích và cố gắng hòa giải nhưng không giải quyết được. Ông xác định không còn tình cảm với bà T và đồng ý ly hôn.

Về con chung: không có.

Về tài sản chung và nợ chung: không có.

Tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn bà Trần Thị Thanh T, bị đơn ông Hoang Q đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng:

Nguyên đơn bà Trần Thị Thanh T đang cư trú tại Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam; bị đơn ông Hoang Q cư trú tại Úc; giữa đôi bên có tranh chấp về hôn nhân và gia đình nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam theo quy định tại Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 37; điểm a khoản 2 Điều 38; Điều 464; Điều 465; Điều 469 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 122, Điều 123 và Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tòa án không thu thập chứng cứ nên căn cứ khoản 2 Điều 21 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Viện Kiểm sát không tham gia phiên tòa sơ thẩm.

Tại phiên tòa sơ thẩm: Nguyên đơn bà Trần Thị Thanh T, bị đơn ông Hoang Q có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ quy định tại Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về áp dụng pháp luật nội dung:

Xét yêu cầu của nguyên đơn nhận thấy:

Bà Trần Thị Thanh T và ông Hoang Q tự nguyện kết hôn với nhau vào năm 2017, có làm thủ tục kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 14 ngày 07/02/2017 của Ủy ban nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh. Như vậy hôn nhân giữa đôi bên là hợp pháp.

Theo lời khai của bà Trần Thị Thanh T thì từ tháng 6/2017, trong thời gian chung sống giữa vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính

cách không hòa hợp, khác biệt về văn hóa, lối sống. Ông Hoang Q cũng xác nhận giữa vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, cãi vã do không tin tưởng nhau. Cả hai bên đều xác định không thể tiếp tục cuộc hôn nhân được nữa và có yêu cầu ly hôn.

Xét, tình nghĩa vợ chồng phải xuất phát từ cả hai phía cùng có nghĩa vụ thương yêu, tôn trọng và cùng có trách nhiệm quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau. Thực tế vợ chồng đã không còn sống cùng nhau, không tạo được điều kiện hàn gắn tình cảm, mâu thuẫn giữa vợ chồng lâm vào tình trạng trầm trọng. Do đó, nếu tiếp tục kéo dài quan hệ hôn nhân nói trên thì mục đích của hôn nhân cũng không thể đạt được. Xét, yêu cầu được chấm dứt quan hệ hôn nhân của bà T là có căn cứ pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về con chung: không có

Về tài sản chung và nợ chung: bà Trần Thị Thanh T, ông Hoang Q khai không có.

Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: 300.000 đồng nguyên đơn chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 37; khoản 2 Điều 38; Điều 464; Điều 469; Điều 474; Điều 477; Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 19, Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 122, Điều 123, Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự 2008;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Thanh T;

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Thanh T được ly hôn ông Hoang Q.

Giấy chứng nhận kết hôn số 14 ngày 07/02/2017 của Ủy ban nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: không có.

3. Về tài sản chung và nợ chung: không có.

4. Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: 300.000 đồng bà Trần Thị Thanh T nộp tại Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh, cấn trừ tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng bà T đã nộp tại Biên lai thu số AA/2017/0049046 ngày 06/07/2018 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh, bà T đã nộp đủ án phí.

Án xử công khai vắng mặt nguyên đơn bà Trần Thị Thanh T và bị đơn ông Hoang Q; bà Trần Thị Thanh T được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hoặc niêm yết hợp lệ, ông Hoang Q

được quyền kháng cáo trong thời hạn 01 (một) tháng kể từ ngày bản án được tống đạt hoặc niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh;
- Ủy ban nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh;
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.



TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Nhung

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Nhung **Nguyễn Thị Thanh Mai** **Trần Thị Nhung**

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân cấp cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh;
- Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN

Trần Thị Nhung